TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ Q** TỈNH QUẢNG NINH Bản án số: 06/2022/DS-ST Ngày: 12 - 7 - 2022 *"V/v Tranh chấp hợp đồng tín dụng"*	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ Q, TỈNH QUẢNG NINH

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thanh Tâm
Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Văn Bốn
2. Ông Đàm Chí Thân
- *Thư ký phiên tòa*: Bà Trần Thị Lan - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân thị xã Q.
- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Q tham gia phiên tòa*: Ông Nguyễn Đăng Viện - Kiểm sát viên

Ngày 12 tháng 7 năm 2022 tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân thị xã Q, tỉnh Quảng Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 53/2021/TLST-DS ngày 07 tháng 12 năm 2021 về việc "*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*". Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 05/2022/QĐXX-ST ngày 06/6/2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 08/2022/QĐST-DS ngày 28/6/2022 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* **Ngân hàng TMCP Đ**

Địa chỉ: Tháp BIDV số 194 Trần Quang Khải, quận H, thành phố Hà Nội. Người đại diện theo ủy quyền: Bà Võ Thị Thúy Ng - Giám đốc Phòng giao dịch M - Ngân hàng TNCM Đầu tư và Phát triển Việt Nam, Chi nhánh Tây Nam Quảng Ninh. Địa chỉ: số 5, đường Vạn Triều, phường M, thị xã Q, tỉnh Quảng Ninh. Có mặt.

2. *Bị đơn:* + Ông **Nguyễn Văn Q**, sinh năm 1974. Địa chỉ: khu 11, phường A, thị xã Q, tỉnh Quảng Ninh. Vắng mặt

+ Bà **Trần Thị Th**, sinh năm 1978. Địa chỉ: khu 11, phường A, thị xã Q, tỉnh Quảng Ninh. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa Nguyên đơn - Ngân hàng TMCP Đ(sau đây viết tắt là Ngân hàng) có yêu cầu khởi kiện:

Ngày 24/5/2018, bà Trần Thị Th - ông Nguyễn Văn Q và Ngân hàng đã ký Hợp đồng tín dụng số 01/2018/11091280/HĐTD. Theo đó, Ngân hàng đồng ý cho ông Nguyễn Văn Q, và bà Trần Thị Th vay số tiền 320.000.000đ (Ba trăm hai mươi triệu đồng), thời hạn 120 tháng. Mục đích vay vốn: Sửa chữa nhà ở.

Để bảo đảm cho khoản vay tại Ngân hàng, bà Trần Thị Th và ông Nguyễn Văn Q đã sử dụng tài sản là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất để thế chấp cho Ngân hàng theo Hợp đồng thế chấp Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 01/2018/11091280/HĐBĐ ngày 24/5/2018 ký kết giữa: Bên thế chấp là ông/bà Nguyễn Văn Q - Trần Thị Th và Bên nhận thế chấp là Ngân hàng TMCP

Đ- Chi nhánh Tây Nam Quảng Ninh (đã được Văn phòng công chứng Q công chứng ngày 24/5/2018 và đăng ký thế chấp tại Văn phòng đăng ký đất đai thị xã Q ngày 24/5/2018 theo đúng quy định của pháp luật). Tài sản thế chấp theo hợp đồng là Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BR 665240 số vào sổ cấp GCN: 1028 do UBND thị xã Q, tỉnh Quảng Ninh cấp ngày 31/12/2013 cho ông bà Trần Thị Th - Nguyễn Văn Q.

Ngày 24/5/2018, Ngân hàng đã giải ngân, khách hàng đã nhận nợ 320.000.000đ, thời hạn 120 tháng từ ngày 24/5/2018 đến ngày 24/5/2028. Khoản vay của ông, bà Q - Th đã chuyển nợ quá hạn từ ngày 14/12/2018. Mặc dù đã rất nhiều lần nhắc nhở, đôn đốc khách hàng thực hiện nghĩa vụ trả nợ nhưng khách hàng vẫn không thực hiện đúng cam kết theo Hợp đồng tín dụng đã ký kết. Ngân hàng đã gửi đơn khởi kiện đến Tòa án nhân dân thị xã Q, tỉnh Quảng Ninh, yêu cầu ông Q và và Th thanh toán Ngy cho Ngân hàng tổng số tiền nợ gốc, lãi, lãi phạt, phí tạm tính đến hết ngày 29/11/2021 là 323.024.789đ theo Hợp đồng tín dụng 01/2018/11091280/HĐTD ngày 24/5/2018 và các khoản lãi, lãi phạt và phí phát sinh kể từ ngày 30/11/2021 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ. Quá trình giải quyết vụ án, ông bà Q - Th tiếp tục trả nợ Ngân hàng, dư nợ tính đến hết ngày 22/5/2022 của Ông/bà Nguyễn Văn Q - Trần Thị Th là 282.635.200đ (Trong đó, nợ gốc: 195.300.000đ, nợ lãi: 84.165.538đ và nợ lãi quá hạn là 3.169.662đ). Như vậy, tổng số tiền nợ gốc bị đơn đã trả là 154.700.000đ, tổng tiền lãi đã trả là 29.263.079đ. Tại phiên tòa sơ thẩm, Người đại diện theo ủy quyền của Nguyên đơn yêu cầu Tòa án nhân dân thị xã Q, tỉnh Quảng Ninh giải quyết những vấn đề sau đây:

1. Ông Nguyễn Văn Q và bà Trần Thị Th phải thanh toán Ngy cho Ngân hàng TMCP Đtổng số tiền nợ tính đến ngày xét xử sơ thẩm là: 255.403.222đ (Trong đó, nợ gốc: 165.300.000đ; nợ lãi: 86.927.593đ và nợ lãi quá hạn là 3.175.629đ) theo Hợp đồng tín dụng 01/2018/11091280/HĐTD ngày 24/5/2018 và các khoản lãi sinh kể từ ngày 12/7/2022 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ.

2. Trường hợp ông Nguyễn Văn Q và bà Trần Thị Th không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ theo Bản án/Quyết định của Tòa thì Ngân hàng có quyền chủ động xử lý tài sản bảo đảm theo trình tự, thủ tục, thứ tự, nội dung do Ngân hàng quyết định hoặc yêu cầu Cơ quan thi hành án có thẩm quyền xử lý đối với tài sản bảo đảm theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 01/2018/11091280/HĐBĐ ngày 24/5/2018.

3. Trường hợp số tiền thu được từ xử lý tài sản bảo đảm không đủ thực hiện nghĩa vụ thì ông Nguyễn Văn Q và bà Trần Thị Th phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ đến khi tất toán toàn bộ khoản vay.

Bị đơn - ông Nguyễn Văn Q và bà Trần Thị Th không có yêu cầu phản tố, xác nhận: toàn bộ nội dung Hợp đồng tín dụng và Hợp đồng thế chấp tài sản như Người đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng trình bày là đúng; bị đơn Nguyễn Văn Q và Trần Thị Th cùng có tự khai và quan điểm như sau: ngày 24/5/2018 tại Ngân hàng TMCP Đ- Chi nhánh Tây Nam Quảng Ninh, phòng giao dịch M ông Nguyễn Văn Q và bà Trần Thị Th ký Hợp đồng tín dụng số 01/2018/11091280HĐTD với Ngân hàng để vay 320.000.000đ thời hạn vay là 120 tháng, quá trình vay ông, bà trả gốc và lãi đầy đủ. Tuy nhiên, thời gian gần đây vì

dịch bệnh, làm ăn khó khăn mất mùa triền miên. Hiện tại, đầm của ông bà vào dự án quy hoạch Hạ Long xanh nên phải tạm ngừng nuôi trồng Th sản do đó ông bà không có khả năng trả nợ số tiền trên cho Ngân hàng, tính đến ngày 29/11/2021 ông bà còn nợ Ngân hàng là 323.024.789đ như Đơn khởi kiện của Ngân hàng là đúng; sau khi Tòa án thụ lý giải quyết, vợ chồng ông đã trả nợ Ngân hàng 53.900.000đ, tính đến hết ngày 22/5/2022 vợ chồng ông còn nợ Ngân hàng tổng số tiền 282.635.200đ (Trong đó, nợ gốc: 195.300.000đ, nợ lãi: 84.165.538đ và nợ lãi quá hạn là 3.169.662đ), ông bà đề nghị Ngân hàng cho ông bà được trả mỗi tháng ít nhất 3.000.000đ chậm nhất đến 31/12/2022 ông bà sẽ tất toán toàn bộ khoản vay hoặc theo dự kiến hết tháng 6/2022 ông, bà nhận được bồi thường hỗ trợ từ dự án quy hoạch nhưng sợ tiến độ thanh toán không được đúng tháng 6 nên ông Q đề nghị Ngân hàng giãn nợ cho vợ chồng ông đến hết tháng 8 sang tháng 9/2022 sẽ tất toán toàn bộ khoản vay. Trường hợp sớm hơn, bất kỳ thời gian nào nhận được bồi thường vợ chồng ông sẽ thanh toán Ngy cho Ngân hàng. Đối với chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ bị đơn đề nghị Ngân hàng hỗ trợ ông bà toàn bộ hoặc một phần vì hiện tại vợ chồng ông dồn tiền vào trả nợ cho Ngân hàng.

Kết quả xem xét thẩm định tại chỗ thể hiện: Về phần đất, địa chính phường A, thị xã Q cho biết: hiện trạng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số BR 665240 số vào sổ 1028 do UBND thị xã Q cấp ngày 31/12/2013 cấp cho bà Trần Thị Th và ông Nguyễn Văn Q thửa đất số 213 tách từ thửa 190 tờ bản đồ P18 tại khu 11, phường A vẫn giữ nguyên hiện trạng; Trích đo hiện trạng của Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất thị xã Q thể hiện: phần diện tích gia đình được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 31/12/2013 là 114,0m2; Tài sản gắn liền với đất là nhà cấp 3, 2 tầng diện tích xây dựng 54,4m2, tổng diện tích sàn 81,6m2; Nhà phụ cấp 4, diện tích xây dựng 13,4m2; bể nước diện tích 7,2m2, thể tích 10,8m3.

Số tiền 10.000.000đ tạm ứng chi phí tố tụng Ngân hàng đã nộp, nhiều hơn chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ thực tế (5.100.000đ), Tòa án đã trả lại Ngân hàng số tiền (4.900.000đ) theo quy định. Ngân hàng không chấp nhận yêu cầu hỗ trợ chi phí xem xét thẩm định và giãn nợ của bị đơn. Đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, nguyên đơn và bị đơn trong quá trình giải quyết vụ án đã được thực hiện đầy đủ, đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Việc khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ trong vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

1.1. Về thẩm quyền giải quyết vụ án: vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Q, tỉnh Quảng Ninh theo quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

1.2. Về việc vắng mặt của bị đơn Trần Thị Th, Nguyễn Văn Q: Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ lần thứ 2 vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Dó đó, việc xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại Điều 227; Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự không ảnh hưởng đến tính khách quan khi giải quyết vụ án.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về hiệu lực của Hợp đồng: Hợp đồng tín dụng số 01/2018/11091280/HĐTD ngày 24/5/2018; Bảng kê rút vốn số 01/2018/11091280/HĐTD ngày 24/5/2018 và Hợp đồng thế chấp thế chấp quyền sử dụng đất 01/2018/11091280/HĐTD ngày 24/5/2018 được Ngân hàng và ông Nguyễn Văn Q, bà Trần Thị Th ký kết không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội, tại thời điểm ký kết hợp đồng, người đại diện của các bên tham gia ký kết đều có đủ năng lực hành vi dân sự. Đến nay, chưa có ai cung cấp tài liệu, chứng cứ chứng minh việc ký kết hợp đồng giữa các bên là do lừa dối, ép buộc. Do đó, Hợp đồng tín dụng; Bảng kê rút vốn và Hợp đồng thế chấp thế chấp quyền sử dụng đất có hiệu lực pháp luật theo quy định tại Điều 117 của Bộ luật dân sự.

[2.2] Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 01/2018/11091280/HĐTD ngày 24/5/2018 được ký giữa Ngân hàng và ông Nguyễn Văn Q, bà Trần Thị Th được đăng ký bảo đảm tại Văn phòng đăng ký đất đai thị xã Q đã đảm bảo hiệu lực Hợp đồng theo quy định tại Điều 298 của Bộ luật dân sự; điểm a khoản 1 Điều 12 của Nghị định 163/2006/NĐ-CP ngày 29/12/2006 về Giao dịch bảo đảm.

[2.3] Về nợ gốc quá hạn: Theo Hợp đồng tín dụng 01/2018/11091280/HĐTD ngày 24/5/2018, Ngân hàng đồng ý cấp cho ông Nguyễn Văn Q và bà Trần Thị Th một khoản vay là 320.000.000đ, thời hạn vay là 120 tháng kể từ ngày giải ngân 24/5/2018 ngày đáo hạn 24/5/2028. Ngày 24/5/2018, ông Q, bà Th và Ngân hàng đã ký vào Bảng kê rút vốn số Hợp đồng 01/2018/11091280/HĐTD với nội dung: Lãi suất vay trong hạn 8%/năm cố định trong 12 tháng kể từ thời điểm bên vay rút khoản vốn vay đầu tiên, hết thời hạn 12 tháng áp dụng lãi suất cho vay thông thường cùng kỳ hạn theo quy định hiện hành của Ngân hàng và được thả nổi 6 tháng/lần vào các ngày 01/01 và 01/7 hàng năm; Lãi suất nợ quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn tại thời điểm chuyển nợ quá hạn; Lãi chậm trả: 10%/năm tính trên số tiền lãi chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả nhưng tối đa không quá 2.000.000VNĐ/lần chậm trả. Tiền lãi được trả định kỳ hàng tháng vào ngày 10 bắt đầu từ 10/7/2018. Toàn bộ nghĩa vụ trả nợ theo Bảng kê rút vốn này được bảo đảm bằng các biện pháp bảo đảm ghi nhận theo Hợp đồng tín dụng số 01/2018/11091280/HĐTD ký ngày 24/5/2018.

Như vậy, Ngân hàng đã thực hiện đúng nghĩa vụ của mình với khách hàng theo quy định trong Hợp đồng tín dụng. Kể từ thời điểm ông Nguyễn Văn Q, bà Trần Thị Th nhận được đủ số tiền 320.000.000đ ông Q và bà Th phải có nghĩa vụ thực hiện đúng cam kết trả nợ đã được các bên thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng và Bảng kê rút vốn.

[2.4] Về lãi suất: Thỏa thuận giữa Ngân hàng và ông Nguyễn Văn Q, bà Trần Thị Th trong Hợp đồng tín dụng và Bảng kê rút vốn phù hợp với điểm c khoản 4 Điều 13 của Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016. Do đó, yêu cầu về lãi suất của Ngân hàng có căn cứ chấp nhận.

[2.5] Về xử lý tài sản bảo đảm: Theo quy định tại Điều 299; Điều 300 và Điều 303 của Bộ luật dân sự, do bên thế chấp là bà Trần Thị Th và ông Nguyễn Văn Q không thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ nên Ngân hàng có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án có thẩm quyền xử lý tài sản bảo đảm để thu hồi nợ. Bà Trần Thị Th và ông Nguyễn Văn Q có nghĩa vụ phối hợp với Ngân hàng trong việc xử lý tài sản bảo đảm thực hiện nghĩa vụ trả nợ của mình cho Ngân hàng.

[2.6] Về yêu cầu bà Trần Thị Th và ông Nguyễn Văn Q phải tiếp tục trả hết toàn bộ số tiền nợ theo Hợp đồng tín dụng số 01/2018/11091280/HĐTD ký ngày 24/5/2018 nếu toàn bộ số tiền thu được từ việc phát mãi, xử lý tài sản bảo đảm sau khi trừ đi các chi phí tố tụng, thi hành án theo quy định của pháp luật mà không đủ thanh toán hết nghĩa vụ nợ của ông Q, bà Th tại Ngân hàng. Xét thấy yêu cầu này phù hợp với quy định tại khoản 3 Điều 307 của Bộ luật dân sự, nên chấp nhận.

[3] Về án phí và chi phí tố tụng khác:

[3.1] Về án phí: Bà Trần Thị Th và ông Nguyễn Văn Q phải chịu án phí sơ thẩm do yêu cầu của Ngân hàng được chấp nhận.

[3.2] Về chi phí tố tụng khác: Ngân hàng không phải chịu chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ; Bà Trần Thị Th và ông Nguyễn Văn Q có nghĩa vụ hoàn trả chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ cho Ngân hàng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147; Điều 157; Điều 158; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 299; khoản 7 Điều 323; Điều 463; Điều 466; Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật dân sự;

Căn cứ khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBNTQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử: Chấp nhận đơn khởi kiện của Ngân hàng TMCP Đ.

- Về nghĩa vụ trả nợ: ông Nguyễn Văn Q và bà Trần Thị Th có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng TMCP Đ tổng số tiền là 255.403.222đ (*Hai trăm năm mươi lăm triệu, bốn trăm linh ba nghìn, hai trăm hai mươi hai đồng*). Trong đó, nợ gốc: 165.300.000đ (*Một trăm sáu mươi lăm triệu, ba trăm nghìn đồng)*; nợ lãi: 86.927.593đ (*Tám mươi sáu triệu, chín trăm hai mươi bảy nghìn, năm trăm chín mươi ba đồng*) và nợ lãi quá hạn là 3.175.629đ (*Ba triệu, một trăm bảy mươi lăm nghìn, sáu trăm hai mươi chín đồng*).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận trong Theo Hợp đồng tín dụng 01/2018/11091280/HĐTD ngày 24/5/2018 và Bảng kê rút vốn 01/2018/11091280/HĐTD ngày 24/5/2018.

- Về xử lý tài sản bảo đảm: Ngân hàng TMCP Đ có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án có thẩm quyền xử lý tài sản bảo đảm theo Hợp đồng thế chấp thế chấp quyền sử dụng đất 01/2018/11091280/HĐTD ngày 24/5/2018 để thu hồi nợ.

Trường hợp toàn bộ số tiền thu được từ việc xử lý tài sản bảo đảm sau khi trừ đi các chi phí tố tụng, thi hành án theo quy định của pháp luật không đủ thanh toán hết nghĩa vụ thì ông Nguyễn Văn Q và bà Trần Thị Th phải tiếp tục trả hết toàn bộ số tiền nợ theo Hợp đồng tín dụng 01/2018/11091280/HĐTD ngày 24/5/2018 cho Ngân hàng TMCP Đ.

- Về án phí: ông Nguyễn Văn Q và bà Trần Thị Th chịu 12.770.000đ (*Mười hai triệu bảy trăm bảy mươi nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm. Trả lại Ngân hàng TMCP Đ8.076.000đ (*Tám triệu không trăm bảy mươi sáu nghìn đồng*) tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0010551 ngày 07/12/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Q.

- Về chi phí tố tụng khác: ông Nguyễn Văn Q và bà Trần Thị Th phải hoàn trả 5.100.000đ (*Năm triệu một trăm nghìn đồng)* chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ cho Ngân hàng TMCP Đ. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Án xử công khai sơ thẩm, có mặt Người đại diện theo ủy quyền của Nguyên đơn báo quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được hoặc niêm yết bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận**:*
- Đương sự;
- VKSND, CCTHADS Tx Q;
- TAND, VKSND tỉnh Quảng Ninh;
- Lưu: HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thanh Tâm